

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                         |                                                                  |                                            |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 39/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 09/01/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                        |                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                             | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VÂN KHÁNH</b>                                                                 |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br><i>Place of testing:</i>                                     | PTN – Công ty CP Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện Miền Nam                                                                                    |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br><i>Type of testing:</i>                                    | MCCB 3P.                                                                                                                                  |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                 | 01 Thiết bị<br>01 Equipments                                                                                                              |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br><i>Method of testing:</i>                                | - TN/QT-22;<br>- Theo yêu cầu của khách hàng/ <i>At the request of customers;</i><br>- Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i> |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                     | 08/01/2025                                                                                                                                |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                                         | Loại/ <i>Type:</i> ABS203c 250AF 3P                                                                                                       |
|                                                                                        | Số quản lý/ <i>Serial No:</i> P0101049300013B4VX96                                                                                        |
|                                                                                        | Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i> LS – KOREA                                                                                              |
|                                                                                        | Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i> 30/09/2024                                                                                      |
|                                                                                        | Điện áp định mức/ <i>Rated voltage:</i> 690VAC                                                                                            |
|                                                                                        | Dòng điện định mức/ <i>Rated curren:</i> 125A                                                                                             |
| 8. Phương tiện thử nghiệm<br><i>Testing equipment</i>                                  | Dòng cắt lớn nhất/ <i>Max cutting curren:</i> 85kA/220V; 42kA/380V                                                                        |
|                                                                                        | Tần số/ <i>Frequence:</i> 50/60 Hz                                                                                                        |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                           | Kyoritsu 3125A; HLY-200C; AC UTQ1; Fluke 287C; Fluke 355; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                         |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br><i>Testing result:</i>                                      | ( $32 \pm 2$ ) °C ; ( $60 \pm 5$ ) % RH                                                                                                   |
| 11. Tem thử nghiệm:<br><i>Testing stamp No:</i>                                        | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                                     |
| 12. Kết luận<br><i>Conclusion</i>                                                      | <b>02/25/ETSC</b>                                                                                                                         |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau:<br><i>Recommended next testing period:</i> | MCCB nêu trên đạt yêu cầu vận hành/ <i>Circuit breaker Pass</i>                                                                           |

**Người Thực Hiện**  
*Executor***Trần Văn Minh****Nguyễn Quốc Hoàn**



|                        |                                                                  |                                            |
|------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/No: 39/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 09/01/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

**10.2 Điện trở cách điện ( $R_{cd}$ )/ Insulation Test ( $M\Omega$ ):**

| Đối tượng đo<br><i>The object of measurement</i> | Mức tiêu chuẩn<br><i>Standard level (<math>M\Omega</math>)</i> | Kết quả đo<br><i>Measurement results (<math>M\Omega</math>)</i> | Đánh giá<br><i>Assess</i> |
|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|
| A – (B + C + Vô)                                 | $\geq 1,0$                                                     | $> 2.000$                                                       | Đạt                       |
| B – (A + C + Vô)                                 | $\geq 1,0$                                                     | $> 2.000$                                                       | Đạt                       |
| C – (B + A + Vô)                                 | $\geq 1,0$                                                     | $> 2.000$                                                       | Đạt                       |

**10.3 Điện trở tiếp xúc ( $R_{tx}$ )/ Contact resistance test**

| Đối tượng đo<br><i>Testing object</i> | Dòng thử (ADC)<br><i>Testing current</i> | Giá trị đo ( $\mu\Omega$ )<br><i>Measured value</i> | Tiêu chuẩn ( $\mu\Omega$ )<br><i>Standard value</i> | Đánh giá<br><i>Remark</i> |
|---------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|
| Phase A                               | 100                                      | 45,7                                                | $R_{tx} \leq 50$                                    | Đạt/ Pass                 |
| Phase B                               | 100                                      | 45,4                                                |                                                     | Đạt/ Pass                 |
| Phase C                               | 100                                      | 46,5                                                |                                                     | Đạt/ Pass                 |

**10.4 Thử nghiệm đặc tính cắt quá tải/ Overload breaking characteristic test**

| Thông số cài đặt<br><i>Parameter settings</i> | Dòng điện thử nghiệm tại $U_e \max$<br><i>The Ampe of testing at <math>U_e \max</math></i> | Thời gian tác động<br><i>Action time (s)</i> | Đánh giá<br><i>Assess</i> |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------|
| $I_n = 125$                                   | $I_{test} = 2 \times I_n$                                                                  | $< 10$                                       | Đạt/ Pass                 |

**10.5 Thử nghiệm đặc tính cắt nhanh/ Tripping current test**

| Thông số cài đặt<br><i>Parameter settings</i> | Dòng điện thử nghiệm tại $U_e \max$<br><i>The Ampe of testing at <math>U_e \max</math></i> | Thời gian tác động<br><i>Action time (s)</i> | Đánh giá<br><i>Assess</i> |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------|
| $I_n = 125$                                   | $I_{test} = 6 \times I_n$                                                                  | 0,1                                          | Đạt/ Pass                 |

**10.6 Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz**

| Đối tượng đo<br><i>The object of measurement</i> | Điện áp thử nghiệm<br><i>The voltage of testing</i> | Thời gian thử nghiệm<br><i>The time of testing</i> | Kết quả đo<br><i>Measurement results</i> |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| A – (B + C + Vô)                                 | 2 kV                                                | 60 s                                               | Chịu được/ Pass                          |
| B – (A + C + Vô)                                 | 2 kV                                                | 60 s                                               | Chịu được/ Pass                          |
| C – (B + A + Vô)                                 | 2 kV                                                | 60 s                                               | Chịu được/ Pass                          |